

Số: 288/2021/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 17 tháng 6 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 295/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trà Thị T, sinh năm 1988; Địa chỉ: 44 Tôn Thất C, phường AĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Lê D, sinh năm 1988; Địa chỉ: 44 Tôn Thất C, phường AĐ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả Tận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trà Thị T và anh Lê D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Trà Thị T và anh Lê D xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Lê Trà Nam K, sinh ngày 09/7/2016. Hiện nay con chung đang ở với chị T. Nay ly hôn các đương sự thoả thuận giao con chung là Lê Trà Nam K cho chị Trà Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lê D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con một tháng 10.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng được tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nam K trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trà Thị T và anh Lê D xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Trà Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng); Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2016/0002558 ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế; Chị Trà Thị T đã nộp đủ án phí, nay không phải nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS TP. Huế;
- UBND phường AĐ, TP H;
- (ĐKKH số 118 ngày 06/10/2015)
- Lưu: HSVA, HNGĐ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Đào Vi